Tên: ……..

Lớp: S7…

Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 6: SPORTS AND GAMES – GRAMMAR 1 & PET READING

A. THEORY

I. GRAMMAR

1. Compound noun (Danh từ ghép)

Định nghĩa	Phân loại
Danh từ ghép (compound nouns) là danh từ được tạo thành bằng cách **ghép hai hoặc nhiều từ lại với nhau** để tạo ra một nghĩa cụ thể. Chúng có thể được viết dưới ba dạng chính.	- **Danh từ ghép mở:** giữa 2 từ có khoảng trống. ***E.g.*** heart attack *(đau tim)*, post office, football field, swimming pool, etc. - **Danh từ ghép nối:** giữa các từ có dấu gạch nối. ***E.g.*** father-in-law *(bố vợ/ chồng)* - **Danh từ ghép đóng:** giữa 2 từ không có khoảng trống. ***E.g.*** toothpaste, applesauce *(nước sốt táo)*, submarine *(tàu ngầm)* etc.

2. Abstract noun (Danh từ trừu tượng)

Định nghĩa	Phân loại
Danh từ trừu tượng (abstract nouns) là những danh từ chỉ **ý tưởng, trạng thái, cảm xúc, hoặc các khái niệm** mà chúng ta **không thể** nhìn thấy, sờ chạm hay đo lường được.	1. Danh từ chỉ cảm giác/cảm xúc. ***E.g.*** happiness 2. Danh từ chỉ trạng thái. ***E.g.*** possibility *(tính khả thi)* 3. Danh từ chỉ đặc điểm tính cách. ***E.g.*** honesty *(sự trung thực)* 4. Danh từ chỉ khái niệm. ***E.g.*** freedom *(sự tự do)* 5. Danh từ chỉ sự kiện. ***E.g.*** birthday

- Thông thường, các danh từ trừu tượng được tạo thành từ **danh từ, động từ hoặc tính từ** + hậu tố. Dưới đây là một số ví dụ:

Hậu tố	Ví dụ từ gốc	Danh từ trừu tượng	Ý nghĩa
-ness	happy	happiness	niềm hạnh phúc
-ity	real	reality	thực tế
-ence	exist	existence	sự tồn tại
-ance	important	importance	tầm quan trọng
-ment	develop	development	sự phát triển
-ship	friend	friendship	tình bạn
-ion	decide	decision	quyết định

II. CAMBRIDGE VOCABULARY

- CLASSWORK

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**fancy** (v)	muốn, thích	4	**take place** (phr.)	diễn ra
2	**available** (adj)	rảnh, có thời gian	5	**fine** (v)	phạt tiền
3	**trial** (n)	vòng tuyển chọn			

- HOMEWORK

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**underground system** (n)	hệ thống tàu điện ngầm	4	**motorway** (n)	đường cao tốc
2	**accommodation** (n)	chỗ ở	5	**public access** (n)	lối vào công cộng
3	**check out** (phr.v)	xem thử	6	**forbidden** (adj)	bị cấm

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

III. METHOD

STEP 1: 🔍 ĐỌC LƯỚT & QUÉT THÔNG TIN (Skim & Scan)

Skimming = Đọc nhanh để hiểu ý chính của cả đoạn.

Scanning = Nhìn nhanh để tìm thông tin cụ thể/từ khóa cần thiết cho đáp án.

Ví dụ: Câu hỏi 1

⭐ BƯỚC 1: SKIM (Đọc lướt để lấy ý chính của thông báo)

Tim, I need some help today. Could you do the dishes and walk Scooby? I'll be back in time for dinner. Love, Mum

🎯 Ý chính rút ra khi skim:

- Mẹ nhờ Tim làm việc nhà
- Có 2 việc cụ thể: rửa bát + dắt chó Scooby đi dạo
- Mẹ chưa về ngay, sẽ về trước bữa tối

📌 **Nhận định ban đầu (sau khi skim):** Tin nhắn nói về **việc Tim cần làm**.

⭐ BƯỚC 2: SCAN (Quét để tìm manh mối chính xác cho đáp án)

👉 **Quét các cụm từ khóa quan trọng trong tin nhắn:**

- **"do the dishes"** → rửa bát
- **"walk Scooby"** → dắt chó đi dạo
- **"I'll be back in time for dinner"** → mẹ chưa về, sẽ về sau

❌ **Thông tin KHÔNG xuất hiện (dùng để loại đáp án):**

- ❌ *Tim's mum has taken the dog for a walk* → Sai: mẹ **nhờ Tim dắt chó**, không phải mẹ làm
- ❌ *Tim must cook dinner* → Sai: không hề nhắc đến **nấu ăn**

STEP 2: LOẠI TRỪ ĐÁP ÁN (Answer elimination)

🎯 **Mục tiêu:** Giúp học sinh **loại đáp án sai trước**, tránh đọc lại cả bài nhiều lần và **không bị bẫy từ giống nhau**.

🔹 **BƯỚC 1: Đọc CÂU HỎI trước – không đọc đáp án ngay**

✓ Gạch chân:

- **từ để hỏi** (who / why / what / where / when / how)
- **từ khóa nội dung** (hành động, lý do, cảm xúc, thời gian)

👉 Xác định câu hỏi đang hỏi **THÔNG TIN GÌ?** (lý do / kết quả / chi tiết / ý chính)

🔹 **BƯỚC 2: Đọc đoạn văn và LOẠI đáp án sai**

🚫 **Kiểu đáp án sai thường gặp**

1. Đáp án có từ giống bài nhưng sai ý
2. Đáp án đúng một phần, nhưng thiếu thông tin chính
3. Đáp án bị phủ định trong bài
4. Đáp án suy luận logic nhưng KHÔNG có trong bài
5. Đáp án sai thời điểm / sai đối tượng

🔹 **BƯỚC 3: Chọn đáp án còn lại PHÙ HỢP NHẤT**

✓ Đáp án đúng thường:

- được **paraphrase** (viết lại bằng từ khác)
- xuất hiện **gần từ khóa**
- **không quá chi tiết**, cũng **không quá chung**

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

1. Pre-reading: Read the statements and choose TRUE or FALSE to predict what you might read about.

1. Some information may be changed from the usual plan. ☐ True ☐ False
2. The text may include a time or deadline. ☐ True ☐ False
3. Every detail in the text is equally important. ☐ True ☐ False

2. Reading (5 questions):

PART 1 **Questions 1-5**

For each question, choose the correct answer.

1



☐

A. Tim's mum has taken the dog for a walk.
B. Tim must cook dinner before his mum returns from work.
C. Tim must walk the dog and clean the plates.

2

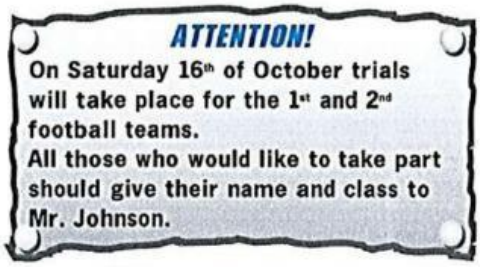


What does James want to know?

☐

A. what the weather will be like this time of the year in Dover
B. whether Maria is interested in visiting him in Glasgow
C. if Maria will be available at the time of his visit

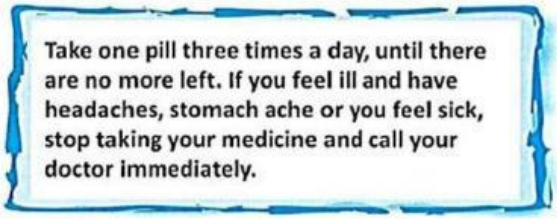
3



☐

A. The first school football match will take place on Saturday.
B. The football teams will be chosen depending on how well people play on Saturday.
C. Mr Johnson will go to the football trials on Saturday the 16th.

4



☐

A. You must take all the pills unless they make you ill.
B. You must take a pill every three days unless they make you ill.
C. You should call your doctor when you finish the pills.

5



☐

A. You can only drop litter near the park bins.
B. If you are caught dropping litter, you may have to pay a fine.
C. If you cannot find a bin, you can drop litter in the park.

LIVEWORKSHEETS

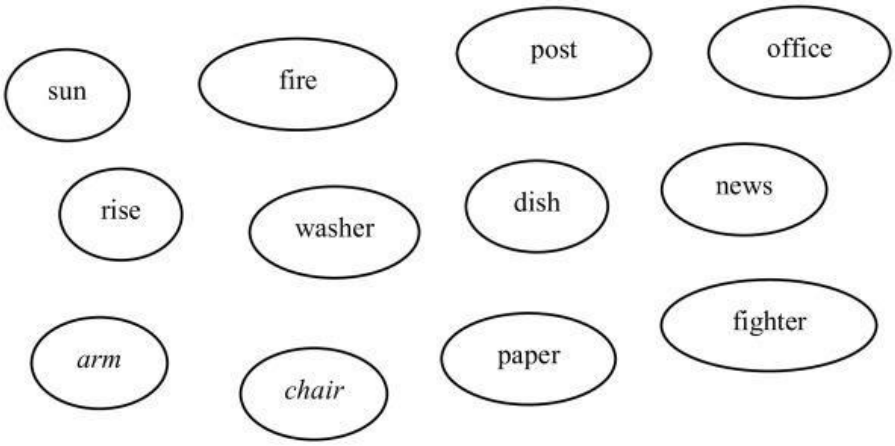
C. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Circle the abstract noun in each sentence.

0. *People value honesty in their friends and family members.*
1. He was admired for his courage when he stood up for what was right.
2. It takes patience to learn a new language properly.
3. The country fought hard for its freedom after enduring many difficult years.
4. Her intelligence was evident in the way she solved the complex exercise.
5. He showed great strength after the accident to recover so quickly.

II. Match the words together to form 5 COMPOUND NOUNS.



0. ***armchair***
1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____

Lưu ý: Học sinh có thể viết theo bất kỳ thứ tự nào.

III. Read the sentences and fill in the blanks with the correct words from the box. Some words may not be used.

~~***water***~~	**washing**	**sub**	**tooth**	**attack**	**well**	**instructor**	**light**

0. *Do you want to see the Manavgat **water**fall?*
1. I forgot to pack my _____brush, so I borrowed one from my brother.
2. Clara's dream is to become a diving _____ and teach others how to dive safely.
3. The _____house at the edge of the cliff has been guiding ships for decades.
4. After her old one broke down, Sarah bought a new _____ machine to do the laundry.
5. Yoga and meditation are great for improving mental _____-being.

IV. Write sentences with the nouns given in the box, using your own ideas.

~~***heart attack***~~	**swimming pool**	**toothpaste**	**happiness**	**possibility**	**honesty**

0. ***He was taken to hospital because of a heart attack***.
1. _____.

LIVEWORKSHEETS

2. _____.
3. _____.
4. _____.
5. _____.

CAMBRIDGE READING PRACTICE (10 questions)

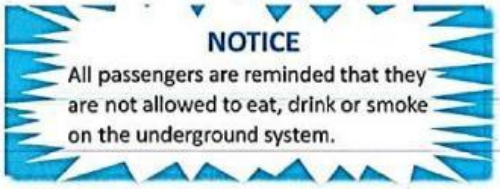
Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

PART 1 **Questions 1-5**

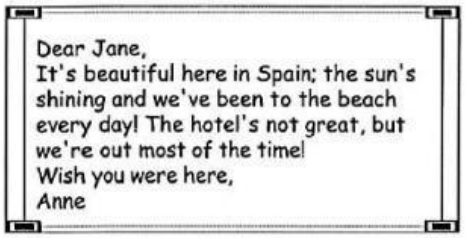
For each question, choose the correct answer.

1



- **A.** You can only smoke, eat and drink in special areas on the train.
- **B.** You cannot drink, eat or smoke anywhere on the underground system.
- **C.** You cannot smoke, eat or drink on the train but you can on the platform.

2



- **A.** Anne is not very satisfied with the accommodation but doesn't mind that much.
- **B.** The weather in Spain is much better than they had expected for this time of year.
- **C.** Anne wasn't able to accompany Jane on her journey as she had intended.

3



- **A.** Nick is extremely interested in reading articles about Hollywood actors.
- **B.** Peter has written an article on films and wants Nick's opinion.
- **C.** Peter wants Nick to read film reviews from an internet site.

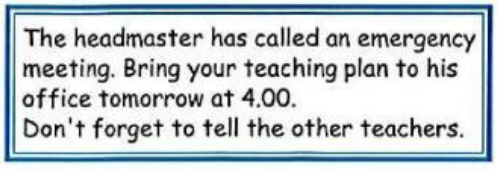
4



What does Jane want David to do?

- **A.** collect their mother from the motorway.
- **B.** call their dad to let him know he must pick up their mother from the motorway.
- **C.** let their mother know that dad's car was involved in an accident on the motorway.

5



- **A.** The teachers will attend one of their regular meetings.
- **B.** The headmaster does not like the teaching plan.
- **C.** There is a problem and someone must give a plan to the headmaster.

LIVEWORKSHEETS

PART 1 Questions 1-5

For each question, choose the correct answer.

1

Keep at room temperature.
Put in fridge for half an hour
before opening and serve
with ice and a slice of lemon.

☐

A. Chill the drink in the fridge before you use it.
B. The drink should be served at room temperature.
C. Keep the drink in the fridge at all times.

2

PRIVATE ROAD
NO PUBLIC ACCESS OR PARKING.
RESIDENTS AND GUESTS ONLY.
IN USE 24 HOURS. DRIVE SLOWLY.

☐

A. The car park is open to the public 24 hours.
B. It is forbidden for most people to use, or stop on, this road
C. Guests' cars are not allowed on this road.

3

Warning
Thieves will be reported to the police and taken to the police station.
Security cameras in use 24/7.

☐

A. The police are watching thieves in the area around the police station.
B. The police will be informed of anyone taking someone else's personal property.
C. The police have arrived to arrest some thieves without using any security cameras.

4

To: Mr. Clinton
From: Mr. Smith
Re: Museum trip

Could you inform me how much it would cost to take my class of thirty students to the local museum? Thank you

☐

A. Mr. Smith works for the local museum.
B. Mr. Clinton wants to take a school class to the museum.
C. Mr. Smith is organising a school trip to a museum.

5

9:47 AM

Dave,
Can you pick up a fresh loaf, two pies and a cream cake? I'm going to buy some chicken. Don't forget we're meeting Sam at the cafe in the afternoon.
Thanks, Annie

☐

What does Annie want Dave to do?
A. go to the bakery to get some things she needs
B. meet her at the cafe on his way back from the bakery
C. prepare some chicken for lunch when he gets back

LIVEWORKSHEETS